

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **344/2020/DS-ST**

Ngày: 09-9-2020

V/v “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;
2. Bà Dương Thị Thúy Duy.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Huynh - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Triết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 195/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 360/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 413/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S), địa chỉ trụ sở: Số X, đường, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh - Do ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1979; chức vụ: Phó Trưởng Phòng giao dịch A làm đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 30/01/2020).

Bị đơn: Ông Kiều Công T, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, Nguyễn Văn T1 có mặt; ông Kiều Công T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; trình bày của bị đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bằng hình thức đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử, ngày 21/11/2013 ông Kiều Công T đã ký hợp đồng với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S) với tên gọi Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp

đồng. Theo đó, S đã cấp cho ông T 02 thẻ tín dụng Vina Credit Classic 472074-9374 và thẻ Family Local Credit 970430-8209 với hạn mức sử dụng chung là 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 17.740.000 đồng (trong đó thẻ Vina Credit Classic 472074-9374 là 7.740.000 đồng và thẻ Family Local Credit 970430-8209 là 10.000.000 đồng).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến ngày 26/9/2019 ông T thanh toán được 13.330.000 đồng (trong đó thẻ Vina Credit Classic 472074-9374 là 5.830.000 đồng và thẻ Family Local Credit 970430-8209 là 7.500.000 đồng). Ngày 06/8/2015 S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T và chuyển toàn bộ số dư sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 25/9/2019 ông T còn nợ tổng số tiền 39.797.113 đồng (trong đó nợ gốc 14.330.497 đồng, nợ lãi 25.466.616 đồng). Nay S yêu cầu ông T thanh toán khoản nợ nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Kiều Công T nhiều lần nhưng ông T đều vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến của ông T cũng như không tiến hành hòa giải được.

Về tài liệu, chứng cứ:

Các tài liệu, chứng cứ do S giao nộp:

- Bản chính Văn bản ủy quyền số 3892/2018/GUQ-PL ngày 03/12/2018;
- Bản chính Văn bản ủy quyền số 18/2020/UQ-TTT ngày 30/01/2020;
- Bản chính các bảng sao kê;
- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Kiều Công T;
- Bản sao Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ngày 21/11/2013;
- Bản sao Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S;
- Bản tự khai ngày 16/04/2019;
- Bản sao các Thông báo thay đổi lãi suất;
- Bản sao các thông báo yêu cầu thanh toán nợ.

Các tài liệu, chứng cứ do ông Kiều Công T giao nộp: Không

Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú, xác định ông Kiều Công T, sinh năm 1986 hiện còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Hiện ông T không có mặt tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên về nhà.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T1 đại diện theo ủy quyền của S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của S.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành

phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Việc tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Kiều Công T là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xác định Hợp đồng tín dụng sử dụng thẻ ngày 21/11/2013 giữa S với ông Kiều Công T là tự nguyện; nội dung, hình thức hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật. Trong quá trình thực hiện, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi suất phát sinh, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quyền khởi kiện và tư cách tham gia tố tụng: Hợp đồng tín dụng sử dụng thẻ với tên gọi “Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng” được ký kết ngày 21/11/2013 giữa S Phòng giao dịch Châu Đốc với ông Kiều Công T. Do S Phòng giao dịch C trực thuộc S, nên S mới có đầy đủ tư cách pháp nhân và có quyền khởi kiện. Căn cứ Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định Ngân hàng Thương mại cổ phần S là nguyên đơn, ông Kiều Công T là bị đơn.

Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Kiều Công T vắng mặt. Như vậy, ông T tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: S kiện yêu cầu ông Kiều Công T thanh toán hợp đồng sử dụng thẻ ngày 21/11/2013. Xét ông T là cá nhân, vay mục đích sử dụng tiêu dùng, xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”, là tranh chấp dân sự; bị đơn cư trú ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang, căn các điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Theo trình bày của đại diện S; tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định được, Hợp đồng tín dụng sử dụng thẻ ngày 21/11/2013 giữa S với ông Kiều Công T là hợp đồng vay tài sản thể hiện bằng văn bản với tên gọi “Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng”, hình thức vay tín chấp. Nội dung Hợp đồng ghi nhận việc sử dụng thẻ, việc kích hoạt, hạn mức sử dụng, lãi suất, thời gian thanh toán.... Ngoài ra, các bên còn có thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn, cơ chế điều chỉnh lãi suất, thông tin cá nhân khách hàng và cam kết của các bên. Hợp đồng được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ.

Căn cứ vào hợp đồng, các bản sao kê có căn cứ xác định ông Kiều Công T đã kích hoạt cả 02 thẻ và sử dụng số tiền 17.740.000 đồng, ông T có trả được khoản nợ

gốc 3.409.530 đồng, còn nợ 14.330.497 đồng cùng tiền lãi đến ngày 25/9/2019 là 25.466.616.

S đã nhiều lần thông báo yêu cầu ông T thanh toán các khoản nợ nhưng ông T không thực hiện mà cố tình lẩn tránh. Từ đó cho thấy ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại 466 Bộ luật Dân sự. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của S, buộc ông Kiều Công T có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh.

[4] Về Chi phí tố tụng:

Về án phí: Do yêu cầu của S được chấp nhận, nên ông Kiều Công T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức án phí có giá ngạch.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho S.

Quá trình giải quyết vụ án không phát sinh chi phí khác, nên các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ các điều 292, 299, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần S,

1. Buộc ông Kiều Công T có trách nhiệm trả cho S tổng số nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 25/9/2019 là 39.797.113 đồng *(ba mươi chín triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn một trăm mười ba)* đồng. Trong đó nợ gốc 14.330.497 đồng, nợ lãi 25.466.616 đồng.

Đồng thời, ông Kiều Công T còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên vốn gốc còn lại theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kể từ ngày 26/9/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về chi phí tố tụng:

Ông Kiều Công T phải chịu 1.989.500 *(một triệu chín trăm tám mươi chín nghìn năm trăm)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho S 995.000 *(chín trăm chín mươi lăm nghìn)* đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: TU/2019/0000978 ngày 23/3/2020.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

3. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt đại diện theo ủy quyền của S ông Nguyễn Văn T1. Thời hạn kháng cáo của S là 15 ngày kể từ ngày tuyên

án (ngày 09/9/2020); thời hạn kháng cáo của ông Kiều Công T là 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Sáu

